PHỤ LỤC 01

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN

Đường phục vụ xuất nhập khẩu, kết nối từ cửa khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lãng với Khu kiểm soát Khả Phong (Trung Quốc)

(Kèm theo Quyết định số 2341/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
Tổng số			**251.861.613.000**	**241.336.310.000**	**10.525.303.000**	**0**	
1	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Văn Lãng	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	40.847.368.000	40.847.368.000	0		
2	Công ty Cổ phần xây dựng Mỹ Sơn	Chi phí xây dựng công trình, thiết bị	104.635.224.000	101.825.096.000	2.810.128.000		
3	Công ty TNHH 1 thành viên Nga Phong		90.136.922.000	85.132.735.000	5.004.187.000		
4	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Lạng Sơn	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng	1.877.926.000	1.600.983.000	276.943.000		
		Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình (đoạn Km1+600-Km4+716,6)	2.972.257.000	2.660.000.000	312.257.000		
5	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư phát triển Cửa Đông	Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình (đoạn Km0-Km1+600)	1.123.105.000	1.000.000.000	123.105.000		
6	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thành Nam	TV lập HSYC, đánh giá HSĐX	100.000.000	70.000.000	30.000.000		
7	Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2.388.231.000	1.800.000.000	588.231.000		
8	Cục thuế tỉnh	Chi phí bảo vệ môi trường	439.694.000	439.694.000	0		
9	Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 - Lạng Sơn	Cắm cọc GPMB	360.934.000	250.000.000	110.934.000		
10	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	Chi phí quản lý dự án	2.427.930.000	2.000.000.000	427.930.000		
11	Tổng công ty 319	Chi phí rà soát bom mìn, vật nổ	3.301.281.000	2.900.000.000	401.281.000		
12	BCHQS tỉnh Lạng Sơn	TVGS rà soát bom mìn, vật nổ	32.093.000	30.000.000	2.093.000		
13	Sở Tài chính	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	421.882.000	0	421.882.000		
14	Sở Xây dựng	Thẩm định BVTC và dự toán	9.652.000	0	9.652.000		
15	Công ty Bảo hiểm bưu điện Bắc Ninh	Bảo hiểm công trình	640.434.000	640.434.000	0		
16	Sở Giao thông vận tải	Thẩm tra, thẩm định BVTC và dự toán	146.680.000	140.000.000	6.680.000		